

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/5/2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Lê Đức Dũng
 2. Ông Trương Văn Hòa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ: Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 450/2020/TLST–HNGĐ ngày 24/12/2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến N - Sinh năm 1993
Địa chỉ: ấp 3A, xã XH, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
 - Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Đ - Sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp SC, xã LG, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.
- (Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã LG, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 23/6/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Đ vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không có lời trình bày.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2020 đối với ông Nguyễn Quốc T, là cha ruột của anh Nguyễn Quốc Đ, ông T cho biết:

Ông là cha ruột của anh Đ, hiện nay anh Đ đi làm ăn xa, không về Tòa án để giải quyết ly hôn với chị N được, những văn bản Tòa án tổng đạt cho anh Đ ông đều nhận được và thông báo nội dung cho anh Đ biết. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ – chị N là do hai vợ chồng làm ăn xa nhau, bất đồng quan điểm, cãi vã nhau thường xuyên và hiện nay anh chị sống ly thân. Bên cạnh đó thì ông T còn cho biết thêm là hiện nay anh Đ không còn tình cảm dành cho chị N, anh Đ cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho cả hai được ly hôn.

Về con chung: Thì theo lời trình bày của ông T, vợ chồng anh Đ – chị N có một người con chung là cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 23/6/2014. Hiện nay cháu N đang sống cùng với mẹ, sau khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Thì theo lời khai của ông T, vợ chồng anh Đ – chị N không có tài sản chung, nợ chung.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, HĐXX tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên không có kiến nghị gì.

- Về đường lối giải quyết vụ án: đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị N. Cho chị N được ly hôn anh Đ. Giao cháu N cho chị N nuôi dưỡng. Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không xem xét. Chị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Yến N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Đ hiện đăng ký hộ khẩu tại xã LG. Như vậy, đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị N là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đ được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh Đ là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã LG, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 16/12/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu của chị N nhận thấy: Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, lý do mà chị đưa ra là hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã và sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Đ không có lời trình bày. Tuy nhiên, qua lời khai của ông T - cha ruột của anh Đ thì nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ

chồng anh chị là có thật, anh Đ cũng thừa nhận không còn tình cảm với chị N và mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Đ là phù hợp

[6] Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 23/6/2014 và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị N nhận thấy, từ thời gian sống ly thân cho đến nay cháu N sống cùng mẹ, anh Đ không đến Tòa án làm việc cũng không có một văn bản nào thể hiện mong muốn nuôi con chung, bên cạnh đó, lời khai của ông T cũng thể hiện mong muốn của anh Đ là giao con cho chị N tiếp tục nuôi con. Như vậy, cần giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[10] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ.

2. Về con chung: Chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 23/6/2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị N, anh Đ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh Đ có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: Chị N nộp 300.000 đồng án phí LHST, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại biên lai số 0001741 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND xã LG
(01/2003);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tùng